TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 THÀNH PHỐ HÀ NỘI --- **Số:403/2026/QĐST-HNGĐ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** --- *Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 363/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2026, giữa;

Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Đăng S, sinh năm 1989**

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, thành phố Hà Nội.

Căn cước công dân số:001089002819, cấp ngày 01/5/2021; Nơi cấp: Cục trưởng cục Q về trật tự xã hội.

Bị đơn**: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1991**

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, thành phố Hà Nội.

Căn cước công dân số: 001191006530, cấp ngày 01/5/2021; Nơi cấp: Cục trưởng cục Q về trật tự xã hội.

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55,81, 82 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: anh Nguyễn Đăng S, sinh năm 1989 và chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1991

2. Công nhận sự thoả thuận của anh Nguyễn Đăng S và chị Nguyễn Thị M cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh S và chị M thống nhất xác định có 02 con chung là Nguyễn Khánh H, sinh ngày 14/4/2014 và Nguyễn Minh T, sinh ngày

12/6/2016. Ly hôn, anh S và chị M thống nhất thỏa thuận anh S trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T; chị M trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của anh S và chị M cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh S và chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung vợ chồng: Anh S và chị M thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

2.3. Về nợ chung vợ chồng (vay nợ và cho vay nợ): Anh S và chị M thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết về nợ chung của vợ chồng.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Đăng S tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được đối trừ số tiền tạm ứng án phí anh S đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/26E số 0008322 ngày 07/4/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 – thành phố Hà Nội. Hoàn trả anh Nguyễn Đăng S 150.000 đồng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận
- Viện KSND khu vực 5 – TP Hà Nội;
- Các đương sự;
- ĐKKH số 80; ngày 27/11/2012 tại UBND xã Đặng Xá, H. Gia Lâm, TP Hà Nội.
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Nguyễn Viết Tuấn